**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 184/SGDĐT-THCS ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Phòng GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** THCS KIM ĐỒNG**TỔ:** SỬ-ĐỊA-ANH-GDCD |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 **I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC : GDCD , KHỐI LỚP: 6**

(Năm học 2023 - 2024)

**1. Đặc điểm tình hình**

**1.1. Số lớp:** 6 **; Số học sinh:**  201 **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**: 0**

**1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 1** ; **Trình độ đào tạo**: Đại học: 1 ;

 **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt:1

**1.3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Máy tính xách tay cá nhânTi vi |  Máy tính 1 bộ Ti vi mỗi phòng 1 cái | Các tiết dạy lí thuyết, thực hành | GV chủ động sử dụng |
| 2 | Tranh ảnh | Không hạn định | Mọi tiết dạy | GV khai thác hiệu quả |
| 3 | Đồ dùng trực quan | Không hạn định | Mọi tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |

 **1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**2. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

**2.1. Phân phối chương trình**

 **Cả năm:** 35 tuần x 1 tiết = 35 tiết.

**HK1:** 18 tuần x 1 tiết = 18 tiết; **HK2:** 17 tuần x 1 tiết = 17 tiết

 **HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài học****(1)** | **Số tiết****(2)** | **Yêu cầu cần đạt****(3)** |
| 1,2,3 | Bài 1. Tự hào về truyền thống gia đình và dòng họ | 3 | - Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ.- Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ.- Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể phù hợp. |
| 4,5 | Bài 2. Yêu thương con người | 2 | - Nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người.- Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người.- Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người.- Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương của người khác.- Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người. |
| 6,7,8 | Bài 4. Tôn trọng sự thật | 3 | - Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật.- Giải thích được vì sao phải tôn trọng sự thật.- Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm;- Không đống tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật. |
| 9 | Kiểm tra giữa kì I | 1 | -Tập trung ra đề theo 4 nhận biết, 3 thông hiểu, 2 VD thấp, 1 VDC ( dựa vào các bài và chủ đề đã học-Đánh giá những mạch kiến thức cần đạt trong các bài học và chủ đề đã học |
| 10,11 | Bài 3. Siêng năng, kiên trì | 2 | - Nêu được khái niệm, biểu hiện của siêng năng, kiên trì.- Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.- Siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày.- Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động và cuộc sống hằng ngày.- Quý trọng những người siêng năng, kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng hay nản lòng để khắc phục hạn chế này. |
| 12,13 | Bài 5. Tự lập | 2 | - Nêu được khái niệm tự lập.- Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập. Hiểu vì sao phải tự lập.- Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác.- Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng; không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộcvào người khác. |
| 14, 15,16 | Bài 6. Tự nhận thức bản thân | 3 | - Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân; biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân.- Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân.- Biết tôn trọng bản thân; xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân. |
| **17** | Ôn tập Học kỳ I | 1 | -Nắm các kiến thức cơ bản đã học ở HKI-Củng cố lại kiến thức bài học đã học trong HKI |
| **18** | KT định kì HKI | 1 | Chất lượng học tập của HSĐánh giá, khảo sát mức độ tiếp thu của HS theo NB,TH VDT, VDC |

 **HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài học****(1)** | **Số tiết****(2)** | **Yêu cầu cần đạt****(3)** |
| 19,20,21 | Bài 7. Ứng phó với tình huống nguy hiểm | 3 | - Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em.- Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm.- Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn. |
| 22, 23,24 | Bài 8. Tiết kiệm | 3 | - Nêu được khái niệm tiết kiệm và biểu hiện của tiết kiệm (tiền bạc, đố dùng, thời gian, điện, nước...);- Hiểu được vì sao phải tiết kiệm.- Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập.- Nhận xét, đánh giá được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh; phê phán những biểu hiện lãng phí. |
| 25,26 | Bài 9. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 2 | - Nêu được khái niệm công dân.- Nêu được căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. |
| 27 | KT giữa kì II | 1 | -Tập trung ra đề theo 4 nhận biết, 3 thông hiểu, 2 VD thấp, 1 VDC ( dựa vào các bài và chủ đề đã học-Đánh giá những mạch kiến thức cần đạt trong các bài học và chủ đề đã học |
| 28,29 | Bài 10. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân | 2 | - Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyến và nghĩa vụ cơ bản của công dân.- Thực hiện được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân phù hợp với lứa tuổi. |
| 30,31 | Bài 11. Quyền cơ bản của trẻ em | 2 | - Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em.- Nêu được ý nghĩa của quyền trẻ em và thực hiện quyền trẻ em. |
| 32,33 | Bài 12. Thực hiện quyền trẻ em | 2 | - Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em.- Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em.- Thực hiện tốt quyến và bổn phận của trẻ em.- Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đống; bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt hơn quyền trẻ em. |
| **34** | Ôn tập Học kỳ II | 1 | Nắm các kiến thức cơ bản đã học ở HKIICủng cố lại kiến thức bài học đã học trong HKII |
| **35** | Kiểm tra cuối kỳ II | 1 | Chất lượng học tập của HSĐánh giá, khảo sát mức độ tiếp thu của HS theo NB,TH VDT, VDC |

**2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian****(1)** | **Thời điểm****(2)** | **Yêu cầu cần đạt****(3)** | **Hình thức****(4)** |
| Giữa Học kỳ 1 |  |  Tuần 9 | -Tập trung ra đề theo 4 nhận biết, 3 thông hiểu, 2 VD thấp, 1 VDC ( dựa vào các bài và chủ đề đã học -Đánh giá những mạch kiến thức cần đạt trong các bài học và chủ đề đã học | -Làm bài kiểm tra tại lớp trên mẫu đề sẵn,đề chung theo ma trận của sở |
| Cuối Học kỳ 1 |  | Tuần 18 | -Kiểm tra cuối kì I-Đánh giá những mạch kiến thức cần đạt trong các bài học và chủ đề đã học. | -Làm bài kiểm tra tại lớp trên mẫu đề sẵn,đề chung theo ma trận của sở |
| Giữa Học kỳ 2 |  | Tuần 27 | -Tập trung ra đề theo 4 nhận biết, 3 thông hiểu, 2 VD thấp, 1 VDC ( dựa vào các bài và chủ đề đã học -Đánh giá những mạch kiến thức cần đạt trong các bài học và chủ đề đã học | -Làm bài kiểm tra tại lớp trên mẫu đề sẵn,đề chung theo ma trận của sở |
| Cuối Học kỳ 2 |  | Tuần 35 | -Kiểm tra cuối kì I-Đánh giá những mạch kiến thức cần đạt trong các bài học và chủ đề đã học. | -Làm bài kiểm tra tại lớp trên mẫu đề sẵn,đề chung theo ma trận của sở |

**II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(Năm học 2023- 2024)

**1. Khối lớp: 6; Số học sinh: 201**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số tiết** | **Thời điểm** | **Địa điểm** | **Chủ trì** | **Phối hợp** | **Điều kiện thực hiện** |
| 1 | **Tự lập** | - Nêu được khái niệm tự lập.- Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập. Hiểu vì sao phải tự lập.- Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác.- Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng; không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộcvào người khác. | 2 | Tuần 12,13 | Phòng học lớp 6 | Giáo viên GDCD 6 | GV nhóm Lịch sử, Địa líGVCN | Máy tính, tivi bảng phụ, tranh ảnh liên quan đến bài học |

|  |  |
| --- | --- |
|  **TỔ TRƯỞNG** | **DUYỆT CỦA BGH** Nguyễn Thị Minh Phương |

 Võ Thị Kiều Hạnh

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-2)